

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20-8-2024
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Tiến Tịnh

2/ Ông Nguyễn Văn Đợi

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Cán bộ TAND huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thạch Huy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 134/2024/TLST-HNGĐ, ngày 17/6/2024, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị N**, sinh năm 1994 - Có mặt.

Địa chỉ: **Thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.**

Bị đơn: Anh **Đậu Trung H**, sinh năm 1991 – Có mặt.

Địa chỉ: **Thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện nhận ngày 11/6/2024, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Vũ Thị N** trình bày:

Chị **N** kết hôn với anh **H** năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **Đ**, huyện **Đ**, tỉnh **Đ**. Hôn nhân giữa chị và anh **H** là tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau 01 năm trước khi cưới. Sau khi kết hôn chị và anh **H** sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là anh **H** rất gia trưởng, thường xuyên giải quyết mâu thuẫn gia đình bằng bạo lực, đánh đập và đuổi chị ra khỏi nhà. Sự việc này lặp đi lặp lại nhiều lần khiến chị không còn tình cảm với anh **H**. Việc mâu thuẫn giữa anh **H** và chị được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng anh **H** không thay đổi. Hiện nay, chị **N** và anh **H** đã ly thân. Do đó, chị **N** khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **H**. Về con chung, tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh **Đậu Trung H** trình bày: Anh thừa nhận quá trình kết hôn giữa anh và chị **N** giống chị **N** trình bày. Về mâu thuẫn gia đình, anh thừa nhận giữa anh và chị **N** đôi khi có mâu thuẫn, xích mích nhưng không lớn. Hiện nay anh còn tình cảm vợ chồng với chị **N** nên anh không đồng ý ly hôn với chị **N**.

Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của chị **Vũ Thị N** và anh **Đậu Trung H** tại chính quyền địa phương nơi chị **N** và anh **Hiếu sinh s** thể hiện: Chị **N** và anh **H** có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh **H** thường xuyên ăn chơi. Vợ chồng anh **H** không có tiếng nói chung.

Tại phiên tòa, chị **N** giữ nguyên quan điểm của mình. Anh **H** giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn với chị **N**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện **Đ** kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS) và việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của BLTTDS; Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 51; 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị **Vũ Thị N** ly hôn với anh **Đậu Trung H**.

Về án phí: Buộc chị **Vũ Thị N** chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các chứng cứ tài liệu gồm: 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản sao y chứng thực); 01 căn cước công dân (bản sao y chứng thực); 01 sổ hộ khẩu (Bản sao y chứng thực).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị **Vũ Thị N** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh **Đậu Trung H** nên quan hệ tranh chấp là

“Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh **Đậu Trung H** có nơi cư trú tại **thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông**. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Giấy chứng nhận kết hôn số 91/2012 được đăng ký tại **Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông**. Do đó, hôn nhân giữa chị **Vũ Thị N** và anh **Đậu Trung H** là hôn nhân hợp pháp quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Chị **N** trình bày anh **H** thường xuyên giải quyết mâu thuẫn gia đình bằng bạo lực, đánh đuổi chị ra khỏi nhà. Sự việc lặp đi lặp lại nhiều lần khiến chị không còn tình cảm vợ chồng với anh **H** nữa. Anh **H** thừa nhận có việc mâu thuẫn gia đình nhưng anh cho rằng mâu thuẫn không lớn.

Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại chính quyền địa phương **thôn H, xã Đ** thể hiện: Chính quyền địa phương biết giữa chị **N** và anh **H** có mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng chung sống để có được hạnh phúc gia đình phải dựa trên sự yêu thương, tôn trọng, phải chung sống với nhau để cùng nhau quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, phải có sự hòa hợp, chia sẻ với nhau mọi vấn đề trong cuộc sống. Việc giữa anh **H** và chị **N** thường xuyên mâu thuẫn, anh **H** đánh đuổi chị ra khỏi nhà thể hiện hôn nhân giữa chị **N** và anh **H** mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị **N** được ly hôn với anh **H**.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có và các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị **Vũ Thị N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 58; Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Vũ Thị N.**

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Vũ Thị N** ly hôn với anh **Đậu Trung H.**

2. Về án phí: Chị **Vũ Thị N** phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị **N** đã nộp theo biên lai số 0005902/BL-THA, ngày 12/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02 bản);
- Chi cục THADS Đắk Mil;
- UBND xã Đắk Sắk;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký và đóng dấu)
Nguyễn Thị Hải Âu**